

TIÊU CHUẨN XẾP LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

Lớp	Điểm thi			Điểm xét tuyển	TBM	Số lượng
	Văn	Toán	Anh			
10A1, 10A2	≥ 5.0	≥ 8.5	≥ 5.0	≥ 36.8	≥ 8.0	85
10A3	≥ 4.5	≥ 8.0	≥ 4.7	≥ 37.8	≥ 8.0	46
10A4	≥ 4.5	≥ 7.5	≥ 4.2	≥ 36.3	≥ 8.0	46
10A5	≥ 4.5	≥ 7.0	≥ 4.0	≥ 35.0	≥ 8.0	48
10A6	≥ 5.0	≥ 6.75	≥ 2.2	≥ 32.75	≥ 8.0	43
10A7	≥ 7.75	≥ 2.7	≥ 3.5	≥ 33.55	≥ 8.0	45
10A8	≥ 5.0	≥ 5.0	≥ 8.0	≥ 35.8	≥ 8.0	41
10A9	<i>Căn cứ năng khiếu hội họa và âm nhạc</i>					42
KHTN						
10A10		≥ 5.0		≥ 36.75		50
10A11		≥ 5.0		≥ 35.7		51
10A12		≥ 5.0		≥ 32.65		52
KHXX						
10A13	≥ 6.5		$5.0 \leq$	≥ 32.85		48
10A14	≥ 6		$5.0 \leq$	≥ 32.55		49
10A15			$5.0 \leq$	≥ 32.55		48
Tổng						694